

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 09/2020/DS-ST

Ngày: 28-5-2020

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Bà Phạm Thị Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện DH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 4, thị trấn G, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: 1/ Anh Lê Đức B, sinh năm, sinh năm: 1973(vắng mặt)

2/ Chị Đoàn Thị G, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 4, thị trấn G, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Ngô Văn N trình bày tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa: Năm 2015 anh Lê Đức B và vợ là chị Đoàn Thị G có vay của Anh tổng số tiền 600.000.000 đồng mục đích kinh doanh con Mực, vay làm 03 lần, hai lần đầu có làm giấy tay, lần thứ ba tuy không làm giấy nhưng năm 2017, chị Đoàn Thị G đã ký vào tờ giấy nhận nợ của ba lần vay tổng số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Thanh toán lãi được khoảng 09 tháng tương đương 162.000.000 đồng thì vợ chồng anh B không thanh toán nữa. Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/12/2019 anh N yêu cầu anh Lê Đức B và vợ chị Đoàn Thị G thanh toán cho Anh số tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước kể từ tháng 8 năm 2016 đến thời gian khởi kiện là 37 tháng tương ứng số tiền 175.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay

anh N rút lại yêu cầu về phần lãi suất đối với số tiền 175.500.000 đồng.

Bị đơn chị Đoàn Thị G trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 31/01/2020: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Ngô Văn N về số tiền vay, lãi suất, cũng như về người trực tiếp nhận tiền vay, tuy nhiên không thống nhất về thời gian vay và số lần vay. Cụ thể, Năm 2013 chị và chồng là Lê Đức B có vay của anh Ngô Văn N số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Đến đầu năm 2014 Chị và anh B tiếp tục vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Anh Lê Đức B là người đến nhà anh N nhận tiền trong các lần vay. Tuy chị không nhớ số tiền lãi đã đóng là bao nhiêu nhưng thời gian đóng lãi là đến năm 2016. Nay anh Ngô Văn N yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền vay 600.000.000 đồng và lãi suất 175.500.000 đồng Chị chỉ đồng ý trả số tiền 600.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì hiện tại gia đình chị đang gặp hoàn cảnh khó khăn.

Bị đơn anh Lê Đức B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tuy nhiên Anh B không có mặt theo yêu cầu, Tòa án đến nơi cư trú của anh để ghi lời khai tuy nhiên không gặp được anh do lúc này anh B và chị G không có mặt tại nơi cư trú.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Anh Ngô Văn N. Buộc anh B và chị G trả cho Anh N số tiền 600.000.000 đồng. Anh B và chị G chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa anh N và anh B, chị G là tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn anh Lê Đức B và chị Đoàn Thị G có nơi cư trú tại ấp 4, thị trấn G, huyện ĐH nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- Về sự vắng mặt của anh Lê Đức B và chị Đoàn Thị G: Anh B và chị G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B và chị G.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, anh Ngô Văn N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi suất 175.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận. Áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này của anh N.

[2.2] Anh Ngô Văn N kiện đòi chị Đoàn Thị G và anh Lê Đức B trả số tiền 600.000.000 đồng có kèm theo biên bản nhận tiền của anh B, chị Đoàn Thị G thừa nhận vợ chồng chị còn nợ anh Ngô Văn N số tiền 600.000.000 đồng, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật. Như vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, buộc chị G và anh B trả cho anh N số tiền 600.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Đối với số tiền lãi suất chị G và anh B đã thanh toán cho anh N theo lãi suất 3%/tháng, chị G không yêu cầu tính lại nên không đặt ra xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Anh Ngô Văn N không phải chịu án phí, anh Lê Đức B và chị Đoàn Thị G phải chịu án phí là 28.000.000 đồng.

[5] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của Anh Ngô Văn N đối với anh Lê Đức B và chị Đoàn Thị G

Buộc anh Lê Đức B và chị Đoàn Thị G trả cho Anh Ngô Văn N số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của anh Ngô Văn N đối với anh Lê Đức B và chị Đoàn Thị G đối với số tiền lãi 175.500.000 đồng.

3. Về án phí: Anh Lê Đức B và chị Đoàn Thị G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 28.000.000 đồng. Anh Ngô Văn N đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 14.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004100 ngày 13/12/2029 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DH.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện DH;
- Cơ quan THA dân sự huyện DH;
- Lưu: HS, VT, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài